

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 08/2018/HSST

Ngày 22/3/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Đức Hiền**

Ông **Võ Văn Sinh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Trang**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Võ Thị Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/HSST ngày 8 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

1/ Phạm Cao B, sinh năm 1979; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn A, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; con ông **Phạm Hồng V** và bà **Nguyễn Thị E**; Vợ: **Lê Thị Ngọc A** (sinh: 1986), nghề nghiệp: Công nhân và trú tại thôn A, xã Đ, Thị xã B, tỉnh Quảng Nam. Có hai con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: vào năm 1997 bị Tòa án nhân dân Q, Thành phố M xử phạt 06 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18 tháng 8 năm 2017, chuyển sang tạm giam ngày 21 tháng 8 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

2/ Đoàn Ngọc C- tên gọi khác: L, sinh năm 1977; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Không; con ông **Đoàn X** (SN 1946) trú tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và bà **Trương Thị Thu H** (chết); Vợ: **Nguyễn Thị N** (chết). Có hai con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18 tháng 8 năm 2017, chuyển sang tạm giam ngày 21 tháng 8 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1988 (vắng)

Trú tại: Khu M, Thị trấn N, huyện Đ, Quảng Nam

- Ông **Đào Tiểu L**, sinh năm: 1990 (vắng)

Trú tại: Thôn C, thị trấn P, huyện G, tỉnh Quảng Nam

- Ông Trần Văn T, sinh năm: 1994 (*vắng*)
Trú tại: Thôn P, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- Ông Trương Văn T, sinh năm: 1988 (*vắng*)
Trú tại: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- Ông Nguyễn Quý P, sinh năm: 1982 (*vắng*)
Trú tại: Khối phố S, phường P, Tp K, tỉnh Quảng Nam
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979 (*có mặt*).
Trú tại: Khu T, Thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm: 1986 (*có mặt*).
- Bà Nguyễn Thị E, sinh năm: 1952 (*có mặt*).
Cùng trú tại: Thôn A, xã Đ, Thị Xã B, tỉnh Quảng Nam
- Ông Đoàn X, sinh năm: 1946 (*có mặt*).
Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C là các đối tượng nghiện ma túy và nhiễm HIV. Để có ma túy sử dụng, Phạm Cao B nhiều lần rủ Đoàn Ngọc C mua ma túy về bán lại cho các con nghiện để kiếm lời lấy tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân. Sáng ngày 18/8/2017, Phạm Cao B điện thoại rủ Đoàn Ngọc C ra Đà Nẵng mua ma túy. B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92N1- 0756 (xe do B làm chủ sở hữu) chở C đến khu vực cầu Đ, thuộc thành phố Đà Nẵng thì để C tại đây. B một mình đến con hẻm đường L, thành phố Đà Nẵng (không rõ địa chỉ cụ thể) mua ma túy của một thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, B quay lại đón C rồi cả hai về nghĩa trang xã T, thị xã B. C và B chia số ma túy trên thành 19 gói nhỏ, B đưa cho C 04 gói để bán và 03 gói để sử dụng. Lúc này khoảng 10 giờ cùng ngày, Lê Văn T (SN 1988, trú khu M, thị trấn N) gọi điện cho B hỏi mua ma túy thì B đồng ý. B chở C đến nhà T tại khu M, thị trấn N để đưa ma túy cho T. Khi B bán cho T 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Việc mua bán ma túy giữa B và T đang diễn ra thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang thu giữ trên người T 01 gói giấy màu đỏ nghi chứa chất ma túy, thu giữ trên người B 200.000đồng và 11 gói giấy nghi chứa chất ma túy. Tiếp tục kiểm tra trên người C, Công an huyện Đ thu giữ 07 gói giấy nghi chứa chất ma túy, kiểm tra trên xe 92N1- 0756 thu giữ 04 ống nước cất, 01 ống kim tiêm, 01 tờ giấy màu, 01 bao ni lông màu đen. Công an huyện Đ tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tịch thu và niêm phong tang vật, áp giải các đối tượng về trụ sở để làm việc.

Quá trình làm việc với cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C còn khai nhận ngoài lần bắt quả tang nêu trên, trong tháng 8/ 2017, B và C nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với các con nghiện, cụ thể như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/8/2017, Phạm Cao B chở Đoàn Ngọc C ra thành phố Đà Nẵng để mua ma túy. B để C đợi tại khu vực cầu Đ (lý do người bán ma túy cho B chỉ yêu cầu một người đến mua). B ra khu vực đường L mua của một người thanh niên không rõ lai lịch 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) ma túy rồi quay lại đón C. Cả hai về nghĩa trang xã T, huyện B để phân chia số ma túy nói trên. Khoảng 11 giờ cùng ngày thì Trần Văn T (SN 1994, trú thôn P, xã A) gọi điện cho C hỏi mua ma túy sử dụng thì C đồng ý. C nói với B và hẹn T tại cầu P, thị trấn N. B chở C đến khu vực trên, C bán cho T và Đào Tiểu L (SN 1990, trú thôn C, thị trấn P, huyện G) một gói ma túy loại heroin giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) rồi đưa tiền lại cho B rồi cả hai về nhà sử dụng ma túy.

Sáng ngày 16/8/2017, Trương Văn T (SN 1989, trú thôn N, xã C) gọi điện cho Đoàn Ngọc C hỏi mua ma túy về sử dụng. Sau đó, T đến nhà C, C bán cho T một gói ma túy với giá 180.000 đồng và nói với T nếu sau này gọi C không được thì gọi qua số 0978777213 của B để mua ma túy.

Khoảng 13 giờ ngày 16/8/2017, Trương Văn T gọi điện vào số thuê bao của Đoàn Ngọc C để hỏi mua ma túy về sử dụng nhưng không liên lạc được. T gọi điện vào số của Phạm Cao B thì B đồng ý bán. B điều khiển xe 92N1- 0756 chở Đoàn Ngọc C đến trước cổng bệnh viện Q, B bán cho T một gói ma túy loại heroin với giá 200.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 17/8/2017, Trần Văn T gọi điện cho Đoàn Ngọc C hỏi mua ma túy sử dụng. C nói với B và hẹn T tại khu vực cầu P. B chở C đến bán cho T và Đào Tiểu L một gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Khoảng 07 giờ ngày 18/8/2017, Lê Văn T điện thoại cho Phạm Cao B hỏi mua ma túy về sử dụng thì B đồng ý. B một mình điều khiển xe 92N1- 0756 đến nhà Lê Văn T và bán cho T một gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 585 ngày 30/8/2017 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng ban hành kết luận như sau:

- Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) đựng trong 01 gói giấy màu đỏ, niêm phong trong phong bì ký hiệu số 1 gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,013 gam là loại heroin

- Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) đựng trong 11 gói giấy (03 gói giấy màu đỏ, 08 gói giấy màu xanh), niêm phong trong phong bì ký hiệu số 2 gửi giám định đều là ma túy, có tổng trọng lượng 0,747 gam là loại heroin

- Chất rắn màu trắng (dạng cục, bột) đựng trong 07 gói giấy (02 gói giấy màu vàng, 05 gói giấy màu xanh), niêm phong trong phong bì ký hiệu số 3 gửi giám định đều là ma túy, có tổng trọng lượng 0,421 gam là loại heroin

* Vật chứng của vụ án:

- + Một phong bì niêm phong số 585/C54C(Đ4) của Tổng cục cảnh sát-BCA.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0978777213

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0905498264

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 92N1- 0756

- 04 (bốn) ống nước cất, 01 (một) ống kim tiêm, 01 (một) tờ giấy màu cam, 01 (một) bao ni lông màu đen.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý.

- 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (hiện đã được gửi tại kho bạc nhà nước huyện Đ).

Quá trình điều tra, Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Cao B mức án từ 5 năm đến 6 năm sáu tháng tù và xử phạt Đoàn Ngọc C mức án từ 04 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Đối với Trần Văn T, Đào Tiểu L, Trương Văn T, Lê Văn T, mua ma túy của Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C để sử dụng nên Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Theo lời khai của Phạm Cao B, B mua ma túy từ một thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ tại thành phố Đà Nẵng nên cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

Bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C không bào chữa bổ sung ý kiến gì thêm, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận các hành vi vi phạm phù hợp với nội dung cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 08/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C khai nhận: Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C là các đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng, B nhiều lần rủ C mua bán trái phép chất ma túy là heroin kiếm lời lấy tiền để sử dụng ma túy. Khoảng 10 giờ 30 ngày 18/8/2017, trong lúc B và C đang bán ma túy cho Lê Văn T tại nhà của T thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người các đối tượng tổng cộng 19 gói ma túy loại heroin có trọng lượng 1,181 gam. Ngoài bắt quả tang ra, trong tháng 8/2017, Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C còn khai nhận 05 lần bán ma túy cho các đối tượng sử dụng là Trần Văn T, Đào Tiểu L, Trương Văn T, Lê Văn T. Tổng số tiền thu được là 980.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Đ lập vào

hồi 11 giờ 10 phút ngày 18 tháng 8 năm 2017, kết luận giám định số 585/C54C(Đ4) của Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại thành phố Đà Nẵng ngày 30 tháng 8 năm 2017, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội nhiều lần*” theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 05/CT- VKS ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành phạm tội, tính chất tác hại và hậu quả của vụ án thì thấy:

Ma túy là chất độc hại gây nghiện nên Nhà nước độc quyền quản lý, các bị cáo nhận thức rõ Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho người khác nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo có tính chất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện việc phạm tội do cố ý trực tiếp. Hành vi đó đã vi phạm điều cấm, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, làm phát tán chất ma túy trong cộng đồng, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo B vào năm 1997 đã bị Tòa án nhân dân Q, Thành phố M xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” mặc dù đã xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không chịu rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Phạm Cao B là người chủ mưu, rủ rê bị cáo C 6 lần thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đoàn Ngọc C khi nghe bị cáo B khởi xướng, rủ rê thì thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để rèn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, đã tỏ ra ăn năn hối hận, tự thú khai báo các lần phạm tội trước. Các bị cáo là lao động chính trong gia đình, và đang nuôi con nhỏ. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

**** Về xử lý vật chứng:***

- HĐXX cần tuyên tiêu hủy các vật chứng sau:
 - + Một phong bì niêm phong số 585/C54C(Đ4) của Tổng cục cảnh sát-BCA.
 - + 04 (bốn) ống nước cất, 01 (một) ống kim tiêm, 01 (một) tờ giấy màu cam, 01 (một) bao ni lông màu đen.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

- HĐXX cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0978777213.

+01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0905498264.

+01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 92N1- 0756 đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Phú P. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của vợ chồng Phạm Cao B và Lê Thị Ngọc A, khi B sử dụng chiếc xe mô tô trên đi thực hiện hành vi phạm tội thì chị Lê Thị Ngọc A không biết. Do vậy, cần phải tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô trên là phù hợp.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

+ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (hiện đã được gửi tại kho bạc nhà nước huyện Đ) và tuyên truy thu số tiền thu lợi bất chính 980.000 đồng mà các bị cáo đã thu lợi bất chính.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đúng quy định pháp luật.

Đối với Trần Văn T, Đào Tiểu L, Trương Văn T, Lê Văn T, mua ma túy của Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C để sử dụng nên Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Theo lời khai của Phạm Cao B, B mua ma túy từ một thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ tại thành phố Đà Nẵng nên cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2, Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Cao B 05 năm 6 tháng (năm năm sáu tháng) tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 18 tháng 8 năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Ngọc C 04(bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 18 tháng 8 năm 2017.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

+ Một phong bì niêm phong số 585/C54C(Đ4) của Tổng cục cảnh sát-BCA.

+ 04 (bốn) ống nước cất, 01 (một) ống kim tiêm, 01 (một) tờ giấy màu cam, 01 (một) bao ni lông màu đen.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

- Tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước các vật chứng sau :

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0978777213

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0905498264.

(Vật chứng này đã được niêm phong, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

+ Truy thu bị cáo B và C mỗi bị cáo số tiền 490.000 (bốn trăm chín mươi ngàn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng (số tiền này đã được Công an huyện Đ gửi vào tài khoản số 3949.0.1053629 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ vào ngày 24 tháng 9 năm 2017).

+ Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92N1- 0756 tịch thu sung quỹ Nhà nước một nửa (1/2) giá trị của chiếc xe và hoàn trả lại cho chị Lê Thị Ngọc A một nửa (1/2) giá trị của chiếc xe. (vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Cao B và Đoàn Ngọc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND H. Đ;
- Công an H. Đ;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Q.Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phượng

